

Số: /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất Cấp giấy phép môi trường của Siêu thị
Co.opmart Sa Đéc đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số
23/2022/CV-CMSĐ của Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành
phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Sa Đéc và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
660/TTr-STNMT ngày 17 tháng 10 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Sa Đéc, tại đường Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Siêu thị Co.opmart Sa Đéc với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Co.opmart Sa Đéc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số: 511 21 000 182 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 05 năm 2015.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng

6 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 3 năm 2020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh thương mại dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 11.792 m².
- Công suất của dự án phục vụ cho khoảng 1.500 khách/ngày, bao gồm mua sắm tự chọn và ăn uống.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Sa Đéc được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Sa Đéc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo lên cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 20 tháng 10 năm 2022 đến ngày 20 tháng 10 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Công Thương, Xây dựng; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/KT.lgv(11 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Tấn Bửu

Phụ lục 1

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng với lưu lượng trung bình là 11,8 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu chế biến, quầy cá, tủ trữ lạnh, Aloha, Lotteria có lưu lượng trung bình là: 6,2 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Rạch Rắn đoạn chảy qua điểm thoát nước mặt của khu vực Siêu thị Co.opmart Sa Đéc.

2.2. Vị trí xả nước thải: tại điểm đầu nối và hệ thống thoát nước chung khu vực, ven Đường nội bộ số 02 (D02) có tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) đo được như sau: X = 1137932; Y = 582926.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày.đêm (2,08 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Theo cơ chế tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K=1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không có
2	BOD ₅ ở 20°C	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	06 tháng/lần	Không có
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	06 tháng/lần	Không có
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	06 tháng/lần	Không có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	10	06 tháng/lần	Không có
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
10	Phosphase (tính theo P)	mg/l	6	06 tháng/lần	Không có
11	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	3.000	06 tháng/lần	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom nước thải Khu sơ chế biến, quây cá, tủ trữ lạnh, Aloha, Lotteria,...: Nước thải tại quây cá, tủ trữ lạnh được thu gom về khu sơ chế biến thông qua 02 ống cống ngầm được làm từ vật liệu PVC có kích thước lần lượt như sau: L17m - Ø90 mm - i4%; L17m - Ø60 mm - i4%. Sau đó, nước thải từ khu sơ chế biến được đưa qua bể tách mỡ số 1 nhằm loại bỏ bớt lượng mỡ thừa thải bỏ trong quá trình sơ chế biến thông qua cống ngầm có kích thước là: L11,7m - Ø114 mm - i4%. Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ sẽ được dẫn về trạm xử lý nước thải trung tâm qua đường cống ngầm có kích thước là L54m - Ø114 mm - i4%.

Hệ thống thu gom nước thải khu WC1, WC2: Nước thải tại khu WC1, WC2 phát sinh trong quá trình tắm giặt, vệ sinh cá nhân của khách và nhân viên trong siêu thị sẽ được thu gom vào 02 bể tự hoại số 1 và số 2 nhằm loại bỏ bớt lượng cặn, cát, chất hữu cơ,... Sau đó, nước thải tại 02 bể tự hoại số 1 và số 2 sẽ được dẫn về Trạm xử lý nước thải trung tâm thông qua 02 đoạn đường cống ngầm riêng biệt có các thông số thiết kế lần lượt như sau: L126m - Ø300 mm - i4%; L51m - Ø300 mm - i4%.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Hố thu gom → Bể tự hoại → Trạm xử lý nước thải.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Hố thu gom → Bể tách mỡ → Trạm xử lý nước thải.

- Công nghệ xử lý nước thải: Hồ thu gom → Bể tách dầu, mỡ 2 → Bể điều hoà → Bể sinh học MBBR → Bể sinh học Aerotank → Bể lắng 2 → Bể trung gian và khử trùng → Lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Hướng tuyến thoát nước thải

Nước thải sau khi xử lý qua Trạm xử lý nước thải trung tâm sẽ được dẫn qua hồ thu mẫu và theo đường D02 dẫn đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Sinh Sắc bằng hệ thống đường ống PVC D60 x 2,8mm – i4%. Chất lượng nước sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, hệ số K= 1.

1.3. Biện pháp ứng phó sự cố

Kiểm tra, nhắc nhở ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống, thiết bị vận hành hệ thống theo từng đơn vị công trình.

Bổ trí nhân viên chuyên trách thực hiện hoạt động giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Trang bị các máy móc như máy bơm, máy thổi khí dự phòng để tránh tình trạng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do thiết bị hư hỏng.

Định kỳ kiểm tra thông số đầu vào, các công đoạn vận hành và đầu ra của nước thải để đảm bảo khắc phục kịp thời các sự cố.

Khi xảy ra sự cố kịp thời đóng van xả thải sau xử lý, giữ nước trong công trình của hệ thống trong thời gian chờ khắc phục. Xử lý dòng nước đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Máy phát điện dự phòng.
- Phương tiện vận chuyển hàng hóa, xe của khách hàng đến mua sắm tại Siêu thị.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh từ dự án (tại công chính vào Siêu thị) có tọa độ X = 1138048, Y = 582852 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	06 tháng/lần	Khu vực đặc biệt
2	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Quy định tải trọng của các xe vận chuyển hàng hóa ra vào khu vực siêu thị.
- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên và định kỳ để đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không tạo tiếng ồn do mòn hỏng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

ĐỀ XUẤT NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: Trong quá trình hoạt động của Siêu thị phát sinh các loại chất thải nguy hại: hộp mực in thải, bóng đèn thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải, linh kiện điện tử, pin, ắc quy thải, ... khối lượng phát sinh khoảng 41 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình hoạt động của Siêu thị khoảng 46.542 kg/năm gồm phế liệu, thùng carton, thùng mốp, ... và khoảng 06m³ bùn thải/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Siêu thị khoảng 583,2 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại, để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại với thể tích từ 60 - 240 lít. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 04 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Nền tráng xi măng lót gạch, vách tường, mái lợp tole, có vách ngăn nước mưa từ bên ngoài vào và bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài. Kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Các thùng rác dung tích 240 lít có bánh xe, nắp đậy đặt trong kho chứa rác thải thông thường để lưu chứa rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Các thùng rác có nắp đậy dung tích 60 lít được bố trí trong khu vực nhà vệ sinh, lối đi tham quan trong Siêu thị hàng ngày được thu gom tập kết ra thùng chứa dung tích 240 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa: 12m².

- Thiết kế: nền lót gạch, mái lợp tôn, vách xây tường 1,2 m, phần vách tiếp theo dùng bằng tôn. Đảm bảo không bị thấm nước mưa. Các thùng chứa rác đặt bên trong kho chứa, mỗi ngày sẽ được đơn vị chức năng đến thu gom vận chuyển về nơi xử lý tập trung của thành phố Sa Đéc.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động sử dụng các đầu dò khói, còi báo cháy và chữa cháy vách tường bằng hệ thống đầu phun nước tự động các khu vực dễ phát sinh cháy.

- Bình chữa cháy lưu động: bố trí tại các khu vực như phòng máy thiết bị, phòng máy bơm, tại mỗi hộp vòi chữa cháy và các vị trí khác.

- Thành lập đội Phòng cháy chữa cháy cơ sở để chủ động phối hợp với cơ quan Phòng cháy chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Tại các khu vực trong Siêu thị đều được trang bị những bình chữa cháy cầm tay, được kiểm tra định kỳ nhằm đảm bảo khả năng dập tắt những đám cháy xảy ra tại từng khu vực.

- Cấm hút thuốc, cấm sử dụng lửa trong phạm vi siêu thị, kho vật liệu.

- Xây dựng và tuyên truyền nội quy phòng cháy chữa cháy riêng, đảm bảo nhân viên phải nghiêm túc thực hiện.

- Định kì kiểm tra, bảo trì hệ thống - thiết bị phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo hệ thống luôn sẵn sàng hoạt động trong tình trạng tốt nhất.

- Thiết kế, xây dựng nhà xưởng phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Nội dung chủ yếu của việc đảm bảo này được vận dụng cụ thể đối với nhà xưởng như sau:

+ Đường nội bộ trong khu vực của dự án đảm bảo xe cứu hỏa có thể đi vào, đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể khống chế được bất kỳ lửa phát sinh ở vị trí nào trong Siêu thị.

+ Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

+ Cách ly các công đoạn dễ cháy xa các khu vực khác.

2. Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Kiểm tra, nhắc nhở ý thức làm việc của nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống thiết bị vận hành hệ thống theo từng đơn vị công trình.

- Bố trí nhân viên chuyên trách thực hiện hoạt động giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các máy móc như máy bơm, máy thổi khí dự phòng để tránh tình trạng hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do thiết bị hư hỏng.

- Định kỳ kiểm tra thông số đầu vào, các công đoạn vận hành và đầu ra của nước thải để đảm bảo khắc phục kịp thời các sự cố.

- Khi xảy ra sự cố kịp thời đóng van xả thải sau xử lý, giữ nước trong công trình của hệ thống trong thời gian chờ khắc phục. Xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải vào môi trường.

- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

3. Đối với hoạt động quản lý, lưu chứa, chuyển giao chất thải

- Chất thải lưu chứa tại Siêu thị chủ yếu là rác thải sinh hoạt, khả năng xảy ra sự cố trong quá trình lưu chứa chủ yếu là nguy cơ rò rỉ nước thải. Các giải pháp đảm bảo an toàn trong quá trình lưu chứa và chuyển giao được thực hiện như sau:

- Siêu thị quy hoạch khu tập kết rác riêng trên khuôn viên xây dựng Dự án. Tại đây, rác thải sinh hoạt và chất thải nguy hại được phân theo từng loại và lưu giữ ở những vị trí riêng biệt.

- Các loại rác thải đưa đến khu tập kết rác đều được lưu chứa trong các thùng có nắp đậy với dung tích sử dụng lớn và cảnh báo rõ ràng cho người tiếp xúc trực tiếp. Đồng thời, các thùng chứa rác thải sinh hoạt được tập kết ở khu vực có trang bị hệ thống thu gom nước rỉ rác trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải.

- Lắp đặt biển báo khu vực lưu chứa rác thải sản xuất, biển cảnh báo phòng cháy chữa cháy tại khu vực lưu chứa./.